Đơn vị báo cáo:

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH

Đơn vị nhận báo cáo:

TỔNG CỤC THADS - BỘ TƯ PHÁP

DANH SÁCH VIỆC THI HÀNH ÁN LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

Từ 01/10/2019 đến 30/9/2020 (12 tháng - 2020)

Biểu mẫu số:01/TKTDNH-THADS
Ban hành kèm theo Công văn số: 517 /TCTHADS-NV1 ngày 14/02/2017 của Tổng cục Thi hành án dân sự

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=7-8*	*10*	*11*
	TỔNG CỘNG	**62**	**62**	**62**	**62**	**54**	**210,439,246**	**36,810,951**	**173,628,295**	**62**	**0**
I	**Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai**										
1	410	19/07/2019	257/QĐ-CTHADS	09/09/2019	Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam (VBSP)	Trả lại	500	500	-	1.Thi hành xong	
2	02/2020/QĐST-KDTM	1/20/2020	606	2/17/2020	Sài Gòn-Hà Nội (SHBank, SHB)	Hoàn trả TUAP	60,581	60,581	-	1.Thi hành xong	
3	12/2020/QĐST-KDTM	4/21/2020	820	5/4/2020	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Hoàn trả TUAP	28,501	28,501	-	1.Thi hành xong	
4	03/2020/KHTM-ST	6/4/2020	1096	7/17/2020	Sài Gòn-Hà Nội (SHBank, SHB)	Nguyễn Văn Đức	1,743,282	1,743,282	-	1.Thi hành xong	
5	37/2020/QĐST-DS	8/19/2020	1302	9/7/2020	Bưu Điện Liên Việt (LienVietPostBank)	Hoàn trả TUAP	3,486	3,486	-	1.Thi hành xong	

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=7-8*	*10*	*11*
6	10/2020/QĐST-KDTM	7/31/2020	1212	8/14/2020	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Hoàn trả TUAP	56,342	56,342	-	1.Thi hành xong	
7	05/2017/KDTM-ST	10/11/2017	292	11/24/2017	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	CTTNHHXNKTM&VT Toàn Phát	8,774,423	-	8,774,423	Chưa có điều kiện thi hành	
8	22/2019/DS	6/9/2019	170	7/11/2019	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Hoàn trả TUAP	2,951	2,951	-	1.Thi hành xong	
9	22/2019/DS	6/9/2019	261	9/11/2019	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Nguyễn Thái Tùng	127,171		127,171	Chưa có điều kiện thi hành	
10	14/2020/DS	4/28/2020	845	5/8/2020	Sài Gòn-Hà Nội (SHBank, SHB)	Hoàn trả TUAP	51,379	51,379	-	1.Thi hành xong	
11	04/2020/QĐST-DS TAND TP Lào Cai	24/3/2020	787	16/4/2020	Sài Gòn-Hà Nội (SHBank, SHB)	Hoàn trả TUAP	18,264	18,264		1.Thi hành xong	
12	07/2020/QĐST-KDTM	5/19/2020	945	6/3/2020	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Hoàn trả TUAP	56,422	56,422		1.Thi hành xong	
13	06/2020/KDTMST	5/7/2020	936	5/25/2020	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Hoàn trả TUAP	38,850	38,850		1.Thi hành xong	
14	05/2019/KDTM-ST	7/25/2019	319	12/3/2019	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Nguyễn Thị Thoan	911,680	911,680		1.Thi hành xong	

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=7-8*	*10*	*11*
15	05/2019/KDTM-PT	11/19/2019	329	12/5/2019	Sài Gòn Công Thương (Saigonbank)	Công ty cổ phần xi măng Hoàng Liên Sơn	5,685,057		5,685,057	3.Đang thi hành	
16	05/2019/KDTM-PT	11/19/2019	344	12/11/2019	Sài Gòn Công Thương (Saigonbank)	Hoàn trả tiền tạm ứng	79,177	79,177		1.Thi hành xong	
17	06/2019/DSST	9/11/2019	119	11/5/2019	Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam (VBSP)	Hà Thị Hoa	29,259		29,259	Chưa có điều kiện thi hành	
18	31/2020/QĐST-DS	7/8/2020	1254	20/8/2020	Sài Gòn-Hà Nội (SHBank, SHB)	Hoàn trả tạm ứng	6,773	6,773		1.Thi hành xong	
19	01/2019/ST_KDTM	2/11/2019	1217	6/7/2019	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Dương Hoàng Việt & Đỗ Thị Như Ý	3,001,465	1,985,434	1,016,031	Chưa có điều kiện thi hành	
20	09/2019/QĐST-KDTM	10/21/2019	226	11/23/2019	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Hoàn trả	32,035	32,035	-	1.Thi hành xong	
21	19/2019/QĐST-DS	11/19/2019	310	12/3/2019	Các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (Quỹ tín dụng phường,	Hoàn trả	10,392	10,392	-	1.Thi hành xong	
22	10/2019/QĐST-KDTM	12/19/2019	374	12/30/2019	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Hoàn trả	125,673	125,673	-	1.Thi hành xong	
23	11/2019/QĐST-KDTM	12/19/2019	375	12/30/2019	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Hoàn trả	81,713	81,713	-	1.Thi hành xong	

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=7-8*	*10*	*11*
24	02/2020/QĐST-KDTM	1/20/2020	600	2/17/2020	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Hoàn trả	38,705	38,705	-	1.Thi hành xong	
25	01/2020/QĐPT	2/28/2020	671	3/12/2020	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Hoàn trả	67,196	67,196	-	1.Thi hành xong	
26	01/2020/DSST	1/10/2020	676	3/19/2020	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Sầm Văn Cận, Nguyễn Thị Hiền	1,722,861	719,566	1,003,295	Chưa có điều kiện thi hành	
27	03/2020/QĐST-KDTM	3/18/2020	790	4/21/2020	Sài Gòn-Hà Nội (SHBank, SHB)	Hoàn trả	56,057	56,057	-	1.Thi hành xong	
28	20/2020/QĐ-PT	2/28/2020	836	5/5/2020	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Công ty TNHH Thịnh Phú	26,968,402	26,968,402	-	1.Thi hành xong	
29	03/2020/QĐST-KDTM	3/18/2020	1037	7/2/2020	Sài Gòn-Hà Nội (SHBank, SHB)	Lưu Hồng Phong, Vũ Thị Phượng	4,249,552	-	4,249,552	3.Đang thi hành	
30	09/2020/QĐST-KDTM	7/28/2020	1233	8/14/2020	Sài Gòn-Hà Nội (SHBank, SHB)	Hoàn trả	56,742	56,742	-	1.Thi hành xong	
31	03/2018/KDTM-PT	10/2/2018	873	3/25/2019	Công ty tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt	Công ty cổ phần Linh Anh Anh ; ông Vũ Xuân	3,666,639	-	3,666,639	4.Hoãn thi hành án	
32	04/2019/QĐST-KDTM	26/08/2019	109	10/15/2019	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Công ty cổ phần đầu tư thương mại và vận tải	6,057,928	1,208,940	4,848,988	3.Đang thi hành	

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=7-8*	*10*	*11*
33	28/2019/QĐST-DS	07/10/2019	129	11/1/2019	Sài Gòn Công Thương (Saigonbank)	Hoàn trả	16,136	16,136		1.Thi hành xong	
34	02/2020/QĐST-KDTM	27/02/2020	731	01/04/2020	Sài Gòn-Hà Nội (SHBank, SHB)	Hoàn trả	39,442	39,442		1.Thi hành xong	
35	01/2020/QĐ-PT; 01/2020/KDTM-ST	12/06/2020; 15/01/2020	1008	22/06/2020	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Hoàn trả	89,174	89,174		1.Thi hành xong	
36	08/2020/QĐST-KDTM	08/07/2020	1123/QĐ-CCTHADS	22/07/2020	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Hoàn trả	48,262	48,262		1.Thi hành xong	
37	02	2/27/2020	1036	7/2/2020	Sài Gòn-Hà Nội (SHBank, SHB)	Hoàng Thị Dung	2,411,296	-	2,411,296	3.Đang thi hành	
38	02	9/1/2017	218	11/2/2017	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Công ty TNHH Vận tải Toàn Thắng	8,265,665	-	8,265,665	Chưa có điều kiện thi hành	
39	04/2020/QĐST-KDTM	6/10/2020	1100	7/22/2020	Sài Gòn-Hà Nội (SHBank, SHB)	Hoàn trả tạm ứng	60,818	60,818	-	1.Thi hành xong	
40	01	4/17/2018	238	6/13/2018	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Vũ Hoài Sơn, Nguyễn Thị Thanh Hà (Tổ 4, thị trấn	148,418	148,418	-	Chưa có điều kiện thi hành	
41	06	10/21/2019	48	11/26/2019	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)		10,520	10,520	-	1.Thi hành xong	

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=7-8*	*10*	*11*
42	01	1/10/2020	129	2/12/2020	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)		30,100	30,100	-	1.Thi hành xong	
43	03	6/8/2020	219	7/3/2020	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)		9,816	9,816	-	1.Thi hành xong	
44	01	6/19/2020	231	7/10/2020	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)		27,400	27,400	-	1.Thi hành xong	
45	03	6/4/2020	247	8/6/2020	Sài Gòn-Hà Nội (SHBank, SHB)	Nguyễn Văn Đức (Tổ 14, phường Phố Mới, TP Lào	1,743,283		1,743,283	3.Đang thi hành	
46	06	8/11/2020	259	9/3/2020	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)		59,123	59,123	-	1.Thi hành xong	
47	02	7/9/2020	270	9/15/2020	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)		22,977	22,977	-	1.Thi hành xong	
48	03	8/19/2020	272	9/15/2020	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)		57,592	57,592	-	1.Thi hành xong	
49	08	29/10/2018	149	04/12/2020	Sài Gòn Công Thương (Saigonbank)	Công ty TNHH một thành viên Mạnh Dũng	3,017,397	767,443	2,249,954	3.Đang thi hành	
50	06	7/9/22018	25	10/10/2018	Sài Gòn Công Thương (Saigonbank)	Lại Thị Như Quỳnh và Lã Tuấn Anh	-	-	-	Chưa có điều kiện thi hành	

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=7-8*	*10*	*11*
51	02	4/9/2018	24	10/10/2018	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Lại Thị Như Quỳnh và Lã Tuấn Anh	108,726	108,726	-	Chưa có điều kiện thi hành	
52	04	15/10/2019	251	17/12/2019	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Nguyễn Thiên Dũng và Nguyễn Thị Nhật	692,241	692,241	-	1.Thi hành xong	
53	10	14/11/2018	326	19/3/2019	Sài Gòn Công Thương (Saigonbank)	Đặng Hoàng Lâm	1,299,496		1,299,496	3.Đang thi hành	
54	01	11/27/2019	129	2/25/2020	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Nguyễn Thị Hoàng Dung	71,756,792	-	71,756,792	3.Đang thi hành	
55	01	11/27/2019	118	1/20/2020	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)		88,153	88,153	-	1.Thi hành xong	
56	03	11/14/2019	224	7/6/2020	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Công ty TNHH Du lịch Hoàng Phúc	29,219,746	-	29,219,746	3.Đang thi hành	
57	05	3/16/2012	92	4/17/2012	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Nguyễn Thị Nhâm	279,560	124,158	155,402	3.Đang thi hành	
58	08	11/7/2019	263	5/22/2020	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Công ty TNHH Thịnh Phú	26,968,402	-	26,968,402	3.Đang thi hành	
59	01	24/8/2108	63	12/12/2018	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Nguyễn Văn Hoản; Bùi Thị Thỏa	26,798	-	26,798	4.Hoãn thi hành án	

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=7-8*	*10*	*11*
60	15	27/9/2018	199	5/2/2019	Đại Dương (Oceanbank)	Phạm Văn Phố	131,046		131,046	4.Hoãn thi hành án	
61	01	25/06/2020	159/QĐ-CCTHADS	2/7/2020	Đại Dương (Oceanbank)	Phạm Quang Trung	1,409	1,409	-	1.Thi hành xong	
62	01	25/06/2020	163/QĐ-CCTHADS	8/7/2020	Đại Dương (Oceanbank)	Phạm Quang Trung	-	-	-	Chưa có điều kiện thi hành	

Lào Cai, ngày 02 tháng 10 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU **CỤC TRƯỞNG**

Dương Hồng Giang

Lê Anh Tuấn

Đơn vị báo cáo:
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH
Đơn vị nhận báo cáo:
TỔNG CỤC THADS - BỘ TƯ PHÁP

DANH SÁCH VIỆC THI HÀNH ÁN LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC TÍN DỤNG NGÂN HÀNG
(danh sách tính tiền không tính việc)
Từ 01/10/2019 đến 30/9/2020 (12 tháng - 2020)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=7-8*	*10*	*11*
	TỔNG CỘNG	**6**	**6**	**6**	**6**	**6**	**59,102,519**	**-**	**59,102,519**	**6**	**0**
I	**Cục Thi hành án dân sự tỉnh**										
	4	26/08/2019	109	15/10/2019	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	Công ty cổ phần đầu tư thương mại và vận tải Tiền Phong; Số 078, đường Tôn Thất Thuyết, phường Phố	11,673,862	-	11,673,862	Chưa có điều kiện thi hành	
	05	11/19/2019	329	05/12/2019	Sài Gòn Công Thương (Saigonbank)	Công ty CP xi măng H.L.Sơn	46,811,433	-	46,811,433	Chưa có điều kiện thi hành	
	01	4/17/2018	238	13/06/2018	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Vũ Hoài Sơn, Nguyễn Thị Thanh Hà (Tổ 4, thị trấn Bát Xát, Bát Xát)	281,394	-	281,394	Chưa có điều kiện thi hành	
	06	7/9/2018	25	10/10/2018	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Lại Thị Như Quỳnh và Lã Tuấn Anh	273,549	-	273,549	Chưa có điều kiện thi hành	

Số TT	Số bản án, quyết định của Tòa án	Ngày ban hành bản án, quyết định	Số quyết định thi hành án	Ngày ban hành quyết định thi hành án	Người được thi hành án	Người phải thi hành án	Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án	Nguyên nhân chưa thi hành	Biện pháp giải quyết
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=7-8*	*10*	*11*
	02	4/9/2018	24	10/10/2018	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	Lại Thị Như Quỳnh và Lã Tuấn Anh	5,932	-	5,932	Chưa có điều kiện thi hành	
	01	25/06/2020	16	07/08/2020	Đại Dương (Oceanbank)	Phạm Quang Trung Địa chỉ: Thôn Bản Giàng, xã Cốc Lầu, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	56,349	-	56,349	Chưa có điều kiện thi hành	

Lào Cai , ngày 02 tháng 10 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU **CỤC TRƯỞNG**

Dương Hồng Giang

TT	Nguyên nhân
1	1.Thi hành xong
2	2.Đình chỉ thi hành án
3	3.Đang thi hành
4	4.Hoãn thi hành án
5	5.Tạm đình chỉ thi hành án
6	6.Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại
7	7.Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án
8	8.Đang trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền
9	9.Đang trong thời gian chờ ý kiến Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự
10	Chưa có điều kiện thi hành

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

TT	Tên tổ chức tín dụng, ngân hàng
1	**=:Các Ngân hàng chính sách (Nhà nước):=**
1.1	Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam (VBSP)
1.2	Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)
2	**=:Ngân hàng Hợp tác xã:=**
2.1	Các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (Quỹ tín dụng phường, xã)
2.2	Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam (Co-op bank, trước đây là Quỹ tín dụng nhân dân trung ương)
3	**=:Ngân hàng Thương Mại Nhà nước:=**
3.1	Đại Dương (Oceanbank)
3.2	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)
3.3	Xây dựng Việt Nam (CBBANK, VNCB)
4	**=:Ngân hàng thương mại cổ phần:=**
4.1	Á Châu (Asia Commercial Bank, ACB)
4.2	An Bình (ABBank)
4.3	Bản Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)
4.4	Bảo Việt (BaoVietBank, BVB)
4.5	Bắc Á (NASBank, NASB)
4.6	Bưu Điện Liên Việt (LienVietPostBank)
4.7	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)
4.8	Dầu Khí Toàn Cầu (GPBank)
4.9	Đại Chúng (PVcom Bank)
4.10	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)
4.11	Đông Á (DAB)
4.12	Đông Nam Á (SeABank)
4.13	Hàng hải (Maritime Bank, MSB)
4.14	Kiên Long (KienLongBank)
4.15	Kỹ Thương (Techcombank)
4.16	Nam Á (Nam A Bank)
4.17	Ngoại thương (Vietcombank)
4.18	Phát Triển Mê Kông (MDB)
4.19	Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)
4.20	Phương Đông (Orient Commercial Bank, OCB)
4.21	Phương Nam (PNB)
4.22	Quân Đội (Military Bank, MB)
4.23	Quốc Dân (National Citizen Bank, NVB)
4.24	Quốc tế (VIBBank, VIB)
4.25	Sài Gòn (Sài Gòn, SCB)
4.26	Sài Gòn Công Thương (Saigonbank)
4.27	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)
4.28	Sài Gòn-Hà Nội (SHBank, SHB)
4.29	Tiên Phong (Tien Phong Bank, TP Bank)
4.30	Việt Á (VietABank, VAB)
4.31	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)
4.32	Việt Nam Thương Tín (VietBank)
4.33	Xăng dầu Petrolimex (Petrolimex Group Bank, PG Bank)
4.34	Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank, EIB)
5	**=:Ngân hàng 100% vốn nước ngoài:=**
5.1	ANZ Việt Nam (ANZVL)
5.2	Hong Leong Việt Nam (HLBVN)
5.3	HSBC Việt Nam (HSBC)
5.4	Shinhan Việt Nam (SHBVN)
5.5	Standard Chartered Việt Nam (SCBVL)
6	**=:Ngân hàng liên doanh:=**
6.1	Indovina (IVB)
6.2	VID Public Bank
6.3	Việt – Nga (VRB)

6.4	Việt – Thái (VSB)
7	**=:Công ty tài chính:=**
7.1	Công ty tài chính cổ phần Điện Lực
7.2	Công ty tài chính cổ phần Handico
7.3	Công ty tài chính cổ phần Sông Đà
7.4	Công ty tài chính cổ phần Vinaconex-Viettel
7.5	Công ty tài chính cổ phần Xi Măng
7.6	Công ty tài chính TNHH HD Saison
7.7	Công ty tài chính TNHH MTV Bưu điện
7.8	Công ty tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam
7.9	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam
7.10	Công ty tài chính TNHH MTV Kỹ thương
7.11	Công ty tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)
7.12	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
7.13	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng
7.14	Công ty tài chính TNHH MTV Prudential Việt Nam
7.15	Công ty tài chính TNHH MTV Quốc tế Việt Nam JACCS
7.16	Công ty tài chính TNHH MTV Tàu thuỷ
7.17	Công ty tài chính TNHH MTV Toyota Việt Nam
8	**=:Công ty cho thuê tài chính:=**
8.1	Công ty CTTC I Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam
8.2	Công ty CTTC II Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam
8.3	Công ty CTTC TNHH MTV Công nghiệp Tàu thuỷ
8.4	Công ty CTTC TNHH MTV Kexim Việt Nam
8.5	Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng Á Châu
8.6	Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam
8.7	Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
8.8	Công ty TNHH CTTC Quốc tế Chailease
8.9	Công ty TNHH CTTC Quốc tế Việt Nam
8.10	Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
8.11	Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
9	**=:Ngân hàng khác tại Việt Nam:=**
9.1	Khác
9.2	
9.3	
9.4	
9.5	
9.6	
9.7	
9.8	

Đơn vị: CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH

THỐNG KÊ THEO NGUYÊN NHÂN

TT	Nguyên nhân	Số việc	Số tiền		
			Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án
I	**Có điều kiện thi hành án**	**52**	**188,261,258**	**33,848,807**	**154,412,451**
1	1.Thi hành xong	38	31,748,266	31,748,266	-
2	2.Đình chỉ thi hành án	-	-	-	-
3	3.Đang thi hành	11	152,688,509	2,100,541	150,587,968
4	4.Hoãn thi hành án	3	3,824,483	-	3,824,483
5	5.Tạm đình chỉ thi hành án	-	-	-	-
6	6.Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại	-	-	-	-
7	7.Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	-	-	-	-
8	8.Đang trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền	-	-	-	-
9	9.Đang trong thời gian chờ ý kiến Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự	-	-	-	-
II	**Chưa có điều kiện thi hành (chung)**	10	81,280,507	2,962,144	78,318,363
III	Tỷ lệ (Thi hành xong + đình chỉ) / Tổng số có điều kiện thi hành	**73.08%**	**19.55%**		
	Cộng	**62**	**269,541,765**	**36,810,951**	**232,730,814**

Lào Cai, ngày 02 tháng 10 năm 2020

Người lập biểu **CỤC TRƯỞNG**

Dương Hồng Giang

Lưu ý: ô bôi đỏ, không tính việc

Đơn vị: CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH

THỐNG KÊ THEO TỔ CHỨC TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

TT	Tên tổ chức tín dụng ngân hàng	Số việc	Số tiền		
			Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án
1	**=:Các Ngân hàng chính sách (Nhà nước):=**	**2**	**29,759**	**500**	**29,259**
1.1	Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam (VBSP)	2	29,759	500	29,259
1.2	Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)	-	-	-	-
2	**=:Ngân hàng Hợp tác xã:=**	**1**	**10,392**	**10,392**	**-**
2.1	Các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở (Quỹ tín dụng phường, xã)	1	10,392	10,392	-
2.2	Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam (Co-op bank, trước đây là Quỹ tín dụng nhân dân trung ương)	-	-	-	-
3	**=:Ngân hàng Thương Mại Nhà nước:=**	**30**	**76,384,492**	**30,442,237**	**45,942,255**
3.1	Đại Dương (Oceanbank)	3	188,804	1,409	187,395
3.2	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	27	76,195,688	30,440,828	45,754,860
3.3	Xây dựng Việt Nam (CBBANK, VNCB)	-	-	-	-
4	**=:Ngân hàng thương mại cổ phần:=**	**28**	**189,450,483**	**6,357,822**	**183,092,661**
4.1	Á Châu (Asia Commercial Bank, ACB)	-	-	-	-
4.2	An Bình (ABBank)	-	-	-	-
4.3	Bản Việt (VIET CAPITAL BANK, VCCB)	-	-	-	-
4.4	Bảo Việt (BaoVietBank, BVB)	-	-	-	-
4.5	Bắc Á (NASBank, NASB)	-	-	-	-
4.6	Bưu Điện Liên Việt (LienVietPostBank)	1	3,486	3,486	-
4.7	Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	5	50,065,765	3,307,138	46,758,627
4.8	Dầu Khí Toàn Cầu (GPBank)	-	-	-	-
4.9	Đại Chúng (PVcom Bank)	-	-	-	-
4.10	Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	2	71,844,945	88,153	71,756,792
4.11	Đông Á (DAB)	-	-	-	-
4.12	Đông Nam Á (SeABank)	-	-	-	-
4.13	Hàng hải (Maritime Bank, MSB)	-	-	-	-
4.14	Kiên Long (KienLongBank)	-	-	-	-
4.15	Kỹ Thương (Techcombank)	-	-	-	-

TT	Tên tổ chức tín dụng ngân hàng	Số việc	Số tiền		
			Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án
4.16	Nam Á (Nam A Bank)	-	-	-	-
4.17	Ngoại thương (Vietcombank)	-	-	-	-
4.18	Phát Triển Mê Kông (MDB)	-	-	-	-
4.19	Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)	-	-	-	-
4.20	Phương Đông (Orient Commercial Bank, OCB)	-	-	-	-
4.21	Phương Nam (PNB)	-	-	-	-
4.22	Quân Đội (Military Bank, MB)	-	-	-	-
4.23	Quốc Dân (National Citizen Bank, NVB)	-	-	-	-
4.24	Quốc tế (VIBBank, VIB)	-	-	-	-
4.25	Sài Gòn (Sài Gòn, SCB)	-	-	-	-
4.26	Sài Gòn Công Thương (Saigonbank)	6	56,908,696	862,756	56,045,940
4.27	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	2	130,122	2,951	127,171
4.28	Sài Gòn-Hà Nội (SHBank, SHB)	12	10,497,469	2,093,338	8,404,131
4.29	Tiên Phong (Tien Phong Bank, TP Bank)	-	-	-	-
4.30	Việt Á (VietABank, VAB)	-	-	-	-
4.31	Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	-	-	-	-
4.32	Việt Nam Thương Tín (VietBank)	-	-	-	-
4.33	Xăng dầu Petrolimex (Petrolimex Group Bank, PG Bank)	-	-	-	-
4.34	Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank, EIB)	-	-	-	-
5	**=:Ngân hàng 100% vốn nước ngoài:=**	**-**	**-**	**-**	**-**
5.1	ANZ Việt Nam (ANZVL)	-	-	-	-
5.2	Hong Leong Việt Nam (HLBVN)	-	-	-	-
5.3	HSBC Việt Nam (HSBC)	-	-	-	-
5.4	Shinhan Việt Nam (SHBVN)	-	-	-	-
5.5	Standard Chartered Việt Nam (SCBVL)	-	-	-	-
5	**=:Ngân hàng liên doanh:=**	**-**	**-**	**-**	**-**
6.1	Indovina (IVB)	-	-	-	-
6.2	VID Public Bank	-	-	-	-
6.3	Việt – Nga (VRB)	-	-	-	-
6.4	Việt – Thái (VSB)	-	-	-	-
7	**=:Công ty tài chính:=**	**1**	**3,666,639**	**-**	**3,666,639**

TT	Tên tổ chức tín dụng ngân hàng	Số việc	Số tiền		
			Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án
7.1	Công ty tài chính cổ phần Điện Lực	-	-	-	-
7.2	Công ty tài chính cổ phần Handico	-	-	-	-
7.3	Công ty tài chính cổ phần Sông Đà	-	-	-	-
7.4	Công ty tài chính cổ phần Vinaconex-Viettel	-	-	-	-
7.5	Công ty tài chính cổ phần Xi Măng	-	-	-	-
7.6	Công ty tài chính TNHH HD Saison	-	-	-	-
7.7	Công ty tài chính TNHH MTV Bưu điện	-	-	-	-
7.8	Công ty tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam	-	-	-	-
7.9	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam	-	-	-	-
7.10	Công ty tài chính TNHH MTV Kỹ thương	-	-	-	-
7.11	Công ty tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	1	3,666,639	-	3,666,639
7.12	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	-	-	-
7.13	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	-	-
7.14	Công ty tài chính TNHH MTV Prudential Việt Nam	-	-	-	-
7.15	Công ty tài chính TNHH MTV Quốc tế Việt Nam JACCS	-	-	-	-
7.16	Công ty tài chính TNHH MTV Tàu thuỷ	-	-	-	-
7.17	Công ty tài chính TNHH MTV Toyota Việt Nam	-	-	-	-
8	**=:Công ty cho thuê tài chính:=**	**-**	**-**	**-**	**-**
8.1	Công ty CTTC I Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	-	-	-
8.2	Công ty CTTC II Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	-	-	-
8.3	Công ty CTTC TNHH MTV Công nghiệp Tàu thuỷ	-	-	-	-
8.4	Công ty CTTC TNHH MTV Kexim Việt Nam	-	-	-	-
8.5	Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng Á Châu	-	-	-	-
8.6	Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam	-	-	-	-
8.7	Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	-	-
8.8	Công ty TNHH CTTC Quốc tế Chailease	-	-	-	-

TT	Tên tổ chức tín dụng ngân hàng	Số việc	Số tiền		
			Số tiền, tài sản phải thi hành án	Số tiền, tài sản đã thi hành án	Số tiền, tài sản còn phải thi hành án
8.9	Công ty TNHH CTTC Quốc tế Việt Nam	-	-	-	-
8.10	Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	-	-	-	-
8.11	Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	-	-	-	-
9	**=:Ngân hàng khác tại Việt Nam:=**	**-**	**-**	**-**	**-**
9.1	Khác	-	-	-	-
9.2	0	-	-	-	-
9.3	0	-	-	-	-
9.4	0	-	-	-	-
9.5	0	-	-	-	-
9.6	0	-	-	-	-
9.7	0	-	-	-	-
9.8	0	-	-	-	-
	Cộng	**62**	**269,541,765**	**36,810,951**	**232,730,814**

…., ngày…… tháng ….. Năm 2019

Người lập biểu **CỤC TRƯỞNG**

Dương Hồng Giang